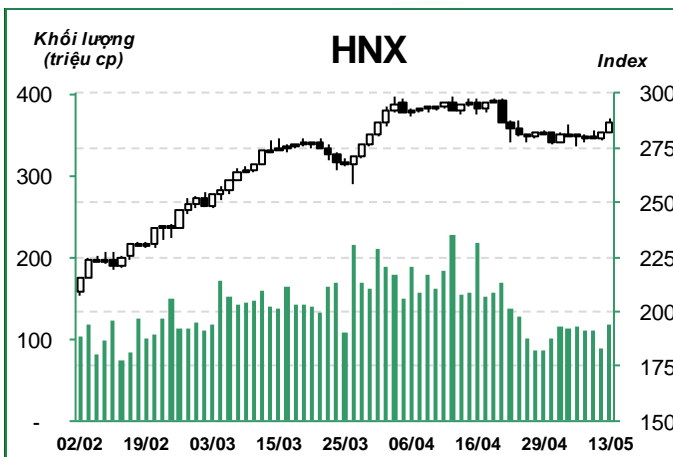
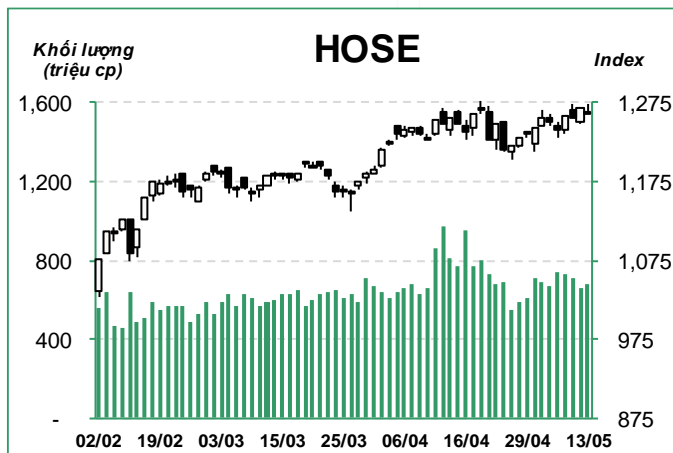


Tổng quan thị trường

13/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,261.99	-0.56%	1,370.18	-0.72%	287.03	1.66%
Cuối tuần trước	1,241.81	1.63%	1,340.73	2.20%	279.86	2.56%
Trung bình 20 ngày	1,246.24	1.26%	1,318.39	3.93%	284.12	1.02%
Tổng KLGD (triệu cp)	711.52	1.55%	289.97	7.20%	127.65	38.25%
KLGD khớp lệnh	680.37	2.44%	271.90	2.90%	118.83	33.65%
Trung bình 20 ngày	704.27	-3.39%	243.77	11.54%	123.60	-3.86%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,627.42	3.36%	12,983.88	5.39%	2,764.97	39.76%
GTGD khớp lệnh	20,290.02	4.81%	12,193.76	1.67%	2,591.27	35.81%
Trung bình 20 ngày	18,667.77	8.69%	10,981.70	11.04%	2,315.93	11.89%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	163	35%	7	23%	96	26%
Số mã giảm	254	55%	23	77%	116	32%
Số mã đứng giá	43	9%	0	0%	155	42%



Thị trường có dấu hiệu hạ nhiệt trở lại trong phiên giao dịch ngày thứ 5 khi lực cầu không còn lan tỏa mạnh mẽ và chỉ tập trung ở một vài cổ phiếu trụ đỡ chỉ số. Động thái rút ròng mạnh của khối ngoại của khối ngoại cũng như lệnh bán gia tăng đột biến của các nhà đầu tư trong nước vào cuối phiên chiều nhanh chóng khiến VN-Index đảo chiều giảm điểm. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index vẫn giữ được sắc xanh nhờ lực đỡ của SHB. Nhìn chung, nhịp điều chỉnh của thị trường trong phiên hôm nay chưa cho thấy tín hiệu đảo chiều tiêu cực và có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật khi chưa phủ nhận hoàn toàn đà tăng của phiên hôm qua.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index có phiên giảm điểm trở lại và đóng cửa thấp nhất phiên tại mức 1,261.99 điểm (-0.56%). KLGD khớp lệnh đạt 680.4 triệu cổ phiếu (+2.4%), tương đương 20,290 tỷ đồng giá trị (+4.8%). Độ rộng thị trường nghiêng nhiều hơn về bên bán với 254 mã giảm/163 mã tăng.

Lực bán gia tăng cuối phiên khiến các cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn HoSE lần lượt đảo chiều giảm điểm. Trong đó, Vingroup-VIC (-2.5%), Techcombank-TCB (-2.5%), Hòa Phát-HPG (-1.9%) và Vinamilk-VNM (-1.4%) là những cổ phiếu có mức khá mạnh chính kéo chỉ số đi xuống. Bên cạnh sức ép từ nhóm cổ phiếu trụ, các cổ phiếu midcap và penny cũng kém sắc trong phiên hôm nay khi đa phần cũng chốt phiên dưới mức tham chiếu. Ở chiều ngược lại, lực cầu mạnh vẫn đang hiện diện ở nhóm ngân hàng với một số cổ phiếu tăng tốt như Vietinbank-CTG (+3.3%), VPBank-VPB (+1.7%) hay Eximbank-EIB (+6.5%).

Khối ngoại gia tăng áp lực cho trên sàn HoSE trong phiên hôm nay khi bán ròng đến 1,166.5 tỷ đồng (+105.4%). Lực bán tập trung ở các cổ phiếu Vietinbank-CTG (-397.6 tỷ), Hòa Phát-HPG (-230.3 tỷ), Novaland-NVL (-129.6 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được mua ròng nhiều lần lượt là Chứng

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
HPG	3,120.0	182.31
SBT	6,000.0	129.00
VIB	2,000.0	123.00
TPB	3,570.1	110.18
NVL	597.2	77.41
VJC	500.0	61.50
CTG	987.2	44.78
PNJ	405.9	38.13
DBD	832.3	36.78
AGG	766.0	34.60
HNX		
NVB	3,172.5	51.39
VND	1,017.8	42.34
VCC	1,839.3	29.43
AAV	900.0	13.50
SHB	450.0	10.67
BAB	424.0	10.60
VC1	664.9	7.98
DNP	183.6	3.99
PVS	90.0	2.08
IDC	20.0	0.67

khoán TPHCM-HCM (+33.6 tỷ), Vinamilk-VNM (+25.8 tỷ) và Vinhomes-VHM (+15.0 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index có diễn biến trái ngược hoàn toàn khi nhuộm sắc xanh trong cả phiên giao dịch và đóng cửa tăng lên mức 287.03 điểm (+1.66%). Dòng tiền ồ ạt đổ vào giúp thanh khoản trên sàn được đẩy lên mức cao trở lại với KLGD khớp lệnh đạt 118.8 triệu cổ phiếu (+33.6%), tương đương 2,591.3 tỷ đồng giá trị (+35.8%).

Mặc dù áp lực bán cũng gia tăng cuối phiên ở hàng loạt các cổ phiếu trụ trên sàn, HNX-Index vẫn đứng vững khi Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+9.7%) bất ngờ được kéo trần sau khi MSCI công bố thông tin cổ phiếu này được thêm vào rổ chỉ số MSCI Frontier Market Index và có khả năng sẽ được mua vào bởi các quỹ ngoại đang đầu tư theo rổ chỉ số này. Bên cạnh đó, một vài trụ cột khác cũng góp phần vào đà tăng của chỉ số như Thaiholdings-THD (+0.5%), Tập đoàn PAN-PAN (+4.8%), Vicostone-VCS (+1.2%). Ở chiều ngược lại, Idico-IDC (-2.3%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.3%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-0.7%) ghi nhận sắc xanh khá tốt trong phiên sáng nhưng đã bất ngờ đảo chiều giảm trở lại và tác động tiêu cực đến chỉ số chung.

Khối ngoại cũng tiếp tục rút ròng trên sàn HNX trong phiên hôm nay với giá trị 7.2 tỷ đồng (-32.2%). Trong đó, bộ đôi Chứng khoán VNDIRECT-VND (-9.2 tỷ) và Tập đoàn PAN-PAN (-7.4 tỷ) liên tục bị khối ngoại bán mạnh trong những phiên gần đây. Trái lại, khối ngoại tập trung mua ròng Vicostone-VCS (+8.3 tỷ), Nhựa Tiền Phong-NTP (+3.1 tỷ) và SCI E&C-SCI (+0.8 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, chỉ số vẫn giữ được đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Thêm vào đó, MACD giữ trạng thái trên Signal, cho thấy tín hiệu mua vẫn được duy trì, chỉ số có thể sớm quay trở lại hướng lên ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1,280 – 1,285 điểm (đỉnh cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và vượt qua áp lực của MA20, cùng với khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn đang quay trở lại. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể hướng tới vùng kháng cự tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn đang nằm trong xu hướng tăng điểm. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DXV	4.6	11.6	7.0%
NHA	31.5	113.4	7.0%
DTL	23.9	22.9	6.9%
SGR	29.3	45.9	6.9%
AAT	19.4	1,265.9	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PMG	25.4	98.9	-7.0%
FUCVREIT	19.0	2.2	-6.9%
VID	11.1	38.0	-6.7%
TMT	8.8	101.4	-6.7%
VPS	15.5	107.9	-6.6%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	61.5	1,716.3	-1.9%
VPB	65.1	1,662.7	1.7%
CTG	46.5	1,607.3	3.3%
STB	26.3	1,283.1	-0.2%
TCB	48.0	917.1	-2.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	26.3	48,225.3	-0.2%
ROS	7.3	35,225.6	3.7%
CTG	46.5	35,007.2	3.3%
HPG	61.5	27,774.4	-1.9%
MBB	33.0	26,896.8	-0.8%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MPT	2.2	289.3	10.0%
TFC	7.7	18.2	10.0%
VTH	8.8	0.1	10.0%
THS	32.2	0.9	9.9%
CAN	39.0	0.6	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LBE	21.6	2.8	-10.0%
PPE	13.9	21.2	-9.7%
CTC	5.6	267.7	-9.7%
PIA	27.1	0.1	-9.7%
ECI	22.0	1.0	-8.7%

Top 5 giá trị

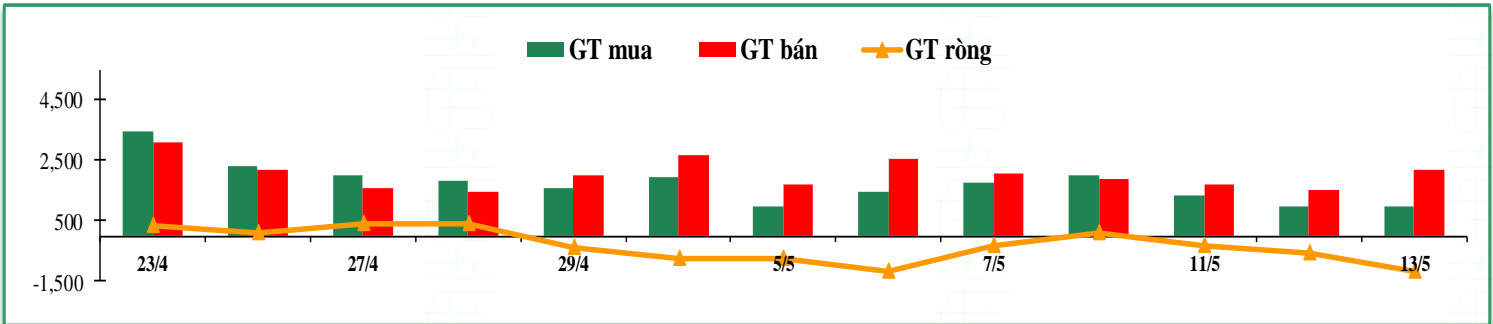
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	26.0	724.4	9.7%
SHS	29.8	286.3	-0.3%
THD	190.7	239.3	0.5%
VND	41.3	236.8	-0.7%
NVB	16.8	183.9	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	26.0	28,921.9	9.7%
NVB	16.8	11,024.2	0.0%
SHS	29.8	9,479.5	-0.3%
PVS	21.7	7,892.9	-2.3%
VND	41.3	5,680.8	-0.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	970.1	4.5%	2,136.6	9.9%	-1,166.5
HNX	18.4	0.7%	25.6	0.9%	-7.2
Tổng số	988.5		2,162.2		-1,173.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	65.1	187.8	1.7%
SBT	20.8	131.3	-3.3%
VNM	90.5	55.4	-1.4%
HCM	35.1	43.2	3.7%
HDB	30.3	39.7	0.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	46.5	423.2	3.3%
HPG	61.5	257.0	-1.9%
VPB	65.1	175.5	1.7%
NVL	134.0	140.6	3.1%
SBT	20.8	130.3	-3.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HCM	35.1	33.6	3.7%
VNM	90.5	25.8	-1.4%
VHM	97.0	15.0	-0.7%
VPB	65.1	12.2	1.7%
PVT	16.7	8.0	-0.9%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	91.4	8.3	1.2%
NTP	36.0	3.1	-0.3%
PAN	26.0	2.0	4.8%
SCI	42.3	0.8	-0.7%
IVS	9.6	0.6	1.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	41.3	9.4	-0.7%
PAN	26.0	9.3	4.8%
IDJ	14.5	1.5	-1.4%
PVC	9.8	1.4	-2.0%
BII	9.4	0.8	1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	91.4	8.3	1.2%
NTP	36.0	3.1	-0.3%
SCI	42.3	0.8	-0.7%
TIG	14.4	0.5	-5.3%
MCF	9.6	0.3	6.7%

Tin trong nước

Hạn chế xuất khẩu các loại thép trong nước đang có nhu cầu

Trước tình hình giá thép tăng cao đột biến, Bộ Công Thương cho biết, đang xem xét đề kiến nghị Chính phủ, các cơ quan liên quan ban hành các chính sách kiểm soát xuất khẩu đối với các loại thép trong nước đang có nhu cầu.

Giá thép sẽ tiếp tục biến động

Đánh giá về thị trường thép đang tăng cao hiện nay, đại diện Bộ Công Thương cho biết, giá nguyên liệu sản xuất thép tăng cao đã làm cho giá thép thành phẩm tăng theo, gây ảnh hưởng rất lớn đến các ngành sản xuất liên quan sử dụng sản phẩm thép.

Trong bối cảnh Chính phủ đang chỉ đạo quyết liệt việc giải ngân vốn đầu tư công để đảm bảo tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, việc tăng giá thép sẽ làm tăng tổng mức đầu tư, tăng giá gói thầu và hợp đồng xây dựng, phá vỡ kế hoạch vốn đầu tư trung hạn của Chính phủ, làm tăng chi ngân sách, ảnh hưởng đến tài khóa năm 2021.

Phân tích thêm về nguyên nhân làm giá thép tăng cao, Bộ Công Thương cho biết, từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, giá nguyên liệu sản xuất thép và giá thép đã tăng liên tục từ cuối năm 2020 và tăng với tốc độ phi mã trong quý II/2021. Giá quặng nguyên liệu đã tăng trên 220 USD/tấn vào ngày 10/5/2021, phá vỡ kỷ lục cũ là 194 USD/tấn cách đây hơn 1 thập kỷ, giá thép phế liệu đã tăng gần gấp đôi trong vòng hơn 9 tháng qua. Giá thép phế liệu tại Trung Quốc lên mức cao nhất 7 năm qua.

Lượng tiêu thụ thép tăng mạnh trên toàn cầu, trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục sau cú sốc COVID-19, đang đưa giá quặng sắt tiến tới mức cao chưa từng có tiền lệ. Các mỏ quặng lớn đang hoạt động hết công suất, nhưng vẫn không thể đáp ứng được nhu cầu.

Trong khi nhu cầu trên thế giới tăng cao, nhưng nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới là Trung Quốc đang có một số động thái làm giảm lượng xuất khẩu ra thế giới bằng các chính sách như: Nhu cầu thép cho nội địa Trung Quốc trong giai đoạn phục hồi sau COVID-19 và mở đầu kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm 2021-2025; sản lượng thép giảm theo chính sách chung của chính phủ Trung Quốc kết hợp với chính sách kiểm soát ô nhiễm.

"Như vậy, nhu cầu tăng, nguồn cung giảm làm cho giá sản phẩm bị đẩy lên cao", đại diện Bộ Công Thương cho biết.

Diễn biến thị trường thế giới như trên đã tác động mạnh đến ngành thép của Việt Nam. Bởi, thép Việt Nam hiện nay cơ bản phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nước ngoài như: quặng sắt, thép phế liệu, than mỡ luyện cốc, điện cực graphite....khi giá các nguyên liệu đầu vào biến động sẽ làm giá thép thành phẩm trong nước cũng phải điều chỉnh theo.

Theo đánh giá từ Hiệp hội Thép Việt Nam, xu hướng diễn biến giá cả nguyên liệu và thép thành phẩm trên thế giới trong năm 2021 sẽ có nhiều biến động, có thể sẽ thiết lập một mặt bằng giá mới như thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính 2008.

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Novaland sắp phát hành gần 400 triệu cổ phiếu thường

Novaland (HoSE: NVL) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh nghiệp dự kiến phát hành 385,9 triệu cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần. Qua đó, vốn điều lệ tăng từ 10.728 tỷ đồng lên 14.587 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong năm 2021.

Mới đây doanh nghiệp vừa chào bán cho cổ đông hiện hữu 77,7 triệu cổ phiếu với giá 59.200 đồng/cp huy động 4.598 tỷ đồng.

Quý I, doanh nghiệp ghi nhận 4.507 tỷ đồng doanh thu, gấp 4,7 lần cùng kỳ năm trước; lãi 701 tỷ đồng, gấp 2,3 lần chủ yếu nhờ doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản tăng.

Tại thời điểm cuối quý, Novaland có 12.588 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, 8.234,5 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần trong khi vốn góp của chủ sở hữu là 10.728 tỷ đồng.

Bloomberg: Masan Group muốn huy động 1 tỷ USD đầu tư cho mảng thức ăn chăn nuôi

Tập đoàn Masan (Masan Group, HoSE:MSN) đang làm việc với các bên tư vấn để đưa ra quyết định đầu tư với mảng thức ăn chăn nuôi, trong đó có Masan MeatLife (UPCoM:MML) đã đưa cổ phiếu lên giao dịch trên thị trường chứng khoán, theo các nguồn thạo tin.

Masan Group còn cân nhắc lựa chọn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) cho mảng thức ăn chăn nuôi, một nguồn tin nói. Quá trình thảo luận mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu và có thể không mang lại thương vụ nào.

1 tỷ USD sẽ là thương vụ đầu tư lớn nhất tại Việt Nam kể từ năm 2017, khi Vietnam F&B Alliance Investment mua 54% cổ phần Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) với giá 4,4 tỷ USD, theo số liệu từ Bloomberg.

Mộc Châu Milk chia cổ tức 15%, nhóm Vinamilk thu về 112 tỷ đồng

Công ty Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk, UPCI:MCM) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 15%. Với 110 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 165 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 21/5 và thời gian thanh toán dự kiến 15/6.

Cơ cấu cổ đông lớn hiện nay bao gồm Vilico nắm giữ 32,52% vốn, tiếp đến là GTNFoods có 26,78% và Vinamilk sở hữu 8,85%. Như vậy, nhóm 3 cổ đông lớn liên quan Vinamilk sở hữu đến 68,15% cổ phần sẽ nhận về khoảng 112 tỷ đồng.

Năm ngoái, Mộc Châu Milk ghi nhận doanh thu 2.823 tỷ đồng, tăng 10% và lợi nhuận sau thuế 281 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ. Với kết quả đó, cổ đông thông qua phương án chia cổ tức tỷ lệ 25%. Doanh nghiệp đã tạm ứng tỷ lệ 10%.

Năm 2021, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu 3.066 tỷ đồng, tăng 9%; lãi sau thuế 319 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện năm trước. Cổ tức dự kiến tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng 1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PLC	Mua	14/05/21	25.4	25.4	0.0%	30.6	20.5%	24.1	-5.1%	Cổ phiếu có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PAN	Quan sát mua	14/05/21	26	28-29 30-31	Nén bật tăng tốt trở lại sau nhịp điều chỉnh yếu dần về quanh MA200 + vol cao trở lại -> khả năng bước vào nhịp hồi phục, có thể canh mua khi điều chỉnh trong phiên
2	HCM	Quan sát mua	14/05/21	35.05	38	Tín hiệu vượt đỉnh khá tốt với các nến tăng mạnh kèm vol tăng dần gần đây, khả năng có thể tiếp tục xu hướng tăng -> có thể canh mua khi điều chỉnh về vùng 34-34.5
3	HUT	Quan sát mua	14/05/21	6	7.5	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ 5.8-6.3 tích cực với nến, vol nhỏ dần -> có cơ hội sớm tăng trở lại, cần chờ một nến tăng tốt vượt 6.3 để xác nhận

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	84	81.5	3.1%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	38.5	34.95	10.2%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	47.65	49.9	-4.5%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Nắm giữ	29/04/21	67.9	60.8	11.7%	71.7	18%	58.2	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	140	140.9	-0.6%	172	22%	134.6	-4%	
6	STB	Mua	05/05/21	26.3	24.1	9.1%	30	24%	22.9	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	IJC	Mua	06/05/21	26.95	26.25	2.7%	32.85	25%	24.8	-6%
8	CKG	Mua	07/05/21	16.35	15.5	5.5%	17.1	10%	14.9	-4%
9	BVB	Mua	11/05/21	14.8	14.8	0.0%	17.6	19%	14.2	-4%
10	PHR	Mua	12/05/21	54	52.2	3.4%	58	11%	49.5	-5%
11	SSI	Mua	13/05/21	35.05	34.8	0.7%	42	21%	33.5	-4%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 13/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,450	-3.3%	228%	25,850	40	84,000	6,824	(1,626)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	7,600	-3.8%	407%	32,010	53	84,000	1,622	(5,978)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	5,220	8.8%	422%	17,880	132	30,300	353	(4,867)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	410	38,550	-2.9%	9302%	1,630	48	61,500	35,573	(2,977)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	10,890	-1.9%	-20267%	20,500	132	61,500	3,749	(7,141)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	27,300	-5.9%	-5370%	4,750	53	61,500	20,628	(6,672)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	14,400	-6.5%	-1566%	33,490	54	61,500	9,817	(4,583)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	11,150	-3.0%	-871%	13,670	53	61,500	5,613	(5,537)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	15,800	-4.2%	-927%	49,420	88	61,500	9,858	(5,942)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	14,670	-2.2%	-718%	35,780	106	61,500	5,820	(8,850)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	5,810	17.4%	-305%	21,430	91	61,500	689	(5,121)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,120	26.4%	243%	20,000	91	61,500	677	(3,443)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	(3,766)	4,850	0.0%	-229%	21,420	95	36,700	2,380	(2,470)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CKDH2101	(4,230)	4,720	8.0%	-212%	18,370	132	36,700	759	(3,961)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	7,500	-2.0%	-260%	21,820	92	36,700	2,885	(4,615)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	17,220	-1.0%	-434%	24,910	32	32,950	16,980	(240)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	10,010	10.0%	-278%	52,710	54	32,950	3,516	(6,494)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	(6,086)	2,320	11.0%	-138%	21,000	91	32,950	45	(2,275)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	(7,014)	4,540	8.6%	-165%	15,790	132	103,000	340	(4,200)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	4,430	8.9%	-159%	25,120	132	103,000	106	(4,324)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	10,000	13.6%	-226%	33,740	92	103,000	2,590	(7,410)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	26,500	-0.8%	-415%	820	48	140,000	22,135	(4,365)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	(8,870)	3,700	0.5%	-142%	25,980	28	140,000	3,218	(482)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	4,990	11.9%	-153%	16,930	54	140,000	2,337	(2,653)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	8,800	8.2%	-190%	10,340	81	140,000	4,125	(4,675)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	(10,262)	4,100	2.8%	-140%	26,040	53	140,000	1,198	(2,902)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	8,830	12.3%	-182%	12,590	(52)	140,000	(91)	(8,921)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	7,300	0.8%	-165%	25,100	106	140,000	1,395	(5,905)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	7,170	8.0%	-162%	111,820	29	134,000	7,084	(86)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	5,370	11.9%	-144%	33,240	132	134,000	3,583	(1,787)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	3,180	6.4%	-125%	47,250	54	94,300	1,671	(1,509)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	6,040	6.0%	-146%	28,320	81	94,300	2,940	(3,100)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	4,250	1.4%	-131%	19,970	36	94,300	3,133	(1,117)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	4,060	0.7%	-129%	33,150	54	55,000	1,788	(2,272)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	3,400	8.3%	-124%	41,540	132	20,750	21	(3,379)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	7,760	-0.5%	-152%	20,010	14	26,300	7,655	(105)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	7,540	-0.1%	-149%	34,750	29	26,300	7,161	(379)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	14,500	0.0%	-192%	38,060	32	26,300	14,323	(177)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	8,970	11.2%	-155%	36,010	132	26,300	2,283	(6,687)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	9,300	3.3%	-155%	28,530	22	26,300	8,323	(977)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	9,500	4.4%	-155%	42,180	88	26,300	4,196	(5,304)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	13,960	10.1%	-179%	33,360	106	26,300	3,629	(10,331)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	27,460	-0.5%	-251%	16,600	78	48,000	26,101	(1,359)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	23,600	0.2%	-227%	12,500	145	48,000	17,264	(6,336)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	10,500	1.0%	-155%	33,990	54	48,000	6,057	(4,443)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	12,050	4.7%	-162%	29,130	88	48,000	6,342	(5,708)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	11,940	16.3%	-160%	43,300	106	48,000	1,622	(10,318)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	(20,934)	3,000	7.1%	-114%	72,930	95	22,000	85	(2,915)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	3,680	11.5%	-117%	40,500	132	22,000	130	(3,550)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCH2102	(21,862)	5,220	17.3%	-124%	18,660	92	22,000	76	(5,144)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	2,680	16.5%	-112%	97,580	91	22,000	0	(2,680)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	(22,790)	2,490	-5.3%	-111%	65,860	29	97,000	826	(1,664)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	4,090	11.4%	-118%	25,990	132	97,000	84	(4,006)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	4,040	-0.3%	-117%	65,580	54	97,000	1,028	(3,012)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,740	-3.9%	-111%	25,750	22	97,000	413	(2,327)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	4,420	4.7%	-118%	53,250	88	97,000	262	(4,158)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	5,710	2.0%	-123%	23,570	92	97,000	87	(5,623)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	(25,574)	4,700	16.9%	-118%	60,190	91	97,000	1	(4,699)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,250	-4.4%	-112%	30,520	29	126,500	1,981	(1,269)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	4,850	10.2%	-118%	30,050	132	126,500	266	(4,584)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	4,000	-7.2%	-115%	16,140	22	126,500	2,663	(1,337)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	(27,430)	1,170	-1.7%	-104%	28,950	29	117,000	304	(866)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	1,200	-5.5%	-104%	68,120	29	90,500	(0)	(1,200)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	3,300	3.1%	-112%	36,370	132	90,500	0	(3,300)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	2,850	-6.3%	-110%	42,670	54	90,500	0	(2,850)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	2,890	-3.7%	-110%	27,650	36	90,500	0	(2,890)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	4,460	-5.1%	-115%	41,180	123	90,500	31	(4,429)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	41,960	5.7%	-239%	4,740	78	65,100	39,219	(2,741)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	16,150	5.2%	-153%	6,090	54	65,100	14,109	(2,041)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	15,200	9.0%	-149%	9,510	22	65,100	14,823	(377)	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	16,490	4.4%	-152%	65,910	88	65,100	14,394	(2,096)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	13,120	12.5%	-141%	33,040	106	65,100	5,470	(7,650)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	550	-5.2%	-102%	71,300	14	30,900	26	(524)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	1,170	-7.1%	-104%	34,520	29	30,900	15	(1,155)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,240	-1.0%	-125%	16,170	78	30,900	3,572	(4,668)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	3,420	0.6%	-110%	17,000	132	30,900	116	(3,304)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,930	6.2%	-109%	74,930	54	30,900	310	(2,620)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	3,400	8.3%	-110%	58,780	88	30,900	161	(3,239)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	5,000	-2.0%	-114%	37,990	92	30,900	91	(4,909)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
NVL	(New) HOSE	134,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	(New) UPCOM	45,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	(New) HOSE	38,500	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	(New) HOSE	36,700	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	(New) HOSE	96,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	36,200	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	48,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	17,000	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	58,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	90,500	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	57,700	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	HOSE	34,500	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG	HOSE	94,500	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	94,300	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	61,500	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	84,000	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	22,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	41,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	123,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	37,800	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	70,600	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN	HOSE	103,000	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV	HOSE	23,050	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	55,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	54,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT	HOSE	20,750	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	35,100	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	32,000	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

GVR		HOSE	26,500	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	39,500	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	30,900	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
TCM		HOSE	104,900	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	140,000	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	85,600	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	51,600	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	36,400	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	20,900	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	80,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,600	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	17,900	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	73,000	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	26,850	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM		HOSE	97,000	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
SAB		HOSE	154,200	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	38,550	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	54,000	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	79,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,200	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.